

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 594/2018/ST-DS
Ngày 27/11/2018
V/v Tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Quang Cảnh

2. Bà Phạm Thị Nhung

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Trung Tiến, Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Hà – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 27 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 37/2016/TLST-DS ngày 25 tháng 01 năm 2016 về việc “Tranh chấp đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 297/2018/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 206/2018/QĐST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Sản xuất và TM B.

Địa chỉ: Số 8 đường B, Phường 14, quận T, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thanh P, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hồ Thị Lan H.

Giấy ủy quyền lập ngày 05/10/2015.

Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Bà Lâm Thanh M, sinh năm 1990

Địa chỉ: 28/35 đường N, phường P, quận T, thành phố H.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn Hữu T – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Nguyễn Hữu T.

Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Phạm Thị Thanh H, sinh năm 1987

Địa chỉ: 781/13/12 đường L, Phường 14, quận T, Thành Phố H.

Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Công ty TNHH Sản xuất và thương mại B (sau đây viết tắt là công ty) do bà Hồ Thị Lan H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 01/7/2012 công ty có ký hợp đồng lao động 01 năm với bà Lâm Thanh M, đến ngày 01/7/2013 công ty tiếp tục ký hợp đồng không xác định thời hạn với bà M với vị trí kế toán và kiêm thủ quỹ công ty, thủ quỹ công đoàn.

Ngày 18/8/2015 công ty kiểm tra quỹ thì phát hiện quỹ công đoàn và công ty không còn theo như đối chiếu sổ sách, thâm hụt 107.595.381 đồng (quỹ công đoàn 89.394.200 đồng, quỹ công ty 18.201.181 đồng). Sau đó công ty có yêu cầu bà M giải trình sự thâm hụt số tiền trên và đề nghị bà M hoàn trả nhưng bà M không thực hiện.

Đến đầu tháng 9/2015 bà M chính thức không đến công ty làm việc, mặc dù công ty không sa thải hay cấm cản bà M đến công ty. Cũng trong tháng 9/2015 công ty đã nhiều gửi thư mời qua đường bưu điện cho bà M đến công ty làm việc và hoàn trả lại số tiền bị thất thoát cho công ty nhưng bà M không hợp tác và cũng không hồi đáp.

Trong bản tường trình tại công ty ngày 18/8/2015, bà M đã thừa nhận tất cả, bên cạnh đó ngày 27, 29/8/2015 bà M có viết phiếu đề nghị tạm ứng với tổng số tiền là 107.595.381 đồng. Vì những lý do nêu trên, công ty yêu cầu bà M phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền là 107.595.381 đồng trong đó quỹ công đoàn 89.394.200 đồng, quỹ công ty 18.201.181 đồng. Tuy nhiên, qua đối chiếu lại sổ sách công ty xác định số tiền bà M phải hoàn trả cho công ty là 102.657.500 (*một trăm lẻ hai triệu sáu trăm năm mươi bảy ngàn năm trăm*) đồng. Đối với các yêu cầu khác trong đơn khởi kiện ngày 19/01/2016 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 26/02/2016, công ty B không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nay công ty B yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Lâm Thanh M có trách nhiệm hoàn trả số tiền 102.657.500 đồng theo cam kết trả nợ ngày 18/8/2015 và trả trong thời hạn 05 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lâm Thanh M trình bày:

Bà vào làm việc công ty từ tháng 01/7/2012 đến cuối 8/2015 nghề nghiệp chuyên môn là kế toán, trong quá trình làm việc bà kiêm thêm công việc thủ quỹ công ty và thủ quỹ công đoàn.

Trong khoảng thời gian đầu tháng 8/2015 kế toán tổng hợp công ty là bà Phạm Thị Thanh H xin nghỉ việc, vì vậy giữa bà và bà H có kiểm tra sổ sách kế toán và tiền quỹ. Khi kiểm tra thì phát hiện lệch quỹ (số liệu sổ sách kế toán và số liệu quỹ không khớp: sổ sách quỹ khi chi có ký nhận nhưng sổ sách kế toán lại không ghi) việc lệch quỹ này là do sổ sách kế toán bà H không phải do bà vì trong ngày chi thế nào bà và kế toán đều ký xác nhận vào sổ.

Đến đầu tháng 9/2015 bà có lên công ty đi làm nhưng ông Kim Joon S là chồng bà Nguyễn Thị Thanh P đề nghị bà không lên công ty nữa vì vậy bà không đi làm. Trong thời gian này bà không nhận được bất cứ giấy tờ nào của công ty về việc mời lên làm việc.

Trong bản tường trình tại công ty ngày 18/8/2015 và phiếu đề nghị tạm ứng ngày 27, 29/8/2015 bà hoàn toàn không làm chủ được vì do phía công ty ép buộc viết theo những gì họ đọc và bà phải ký nhận, vì tại đây họ thuê luật sư hù dọa bà phải chịu trách nhiệm hình sự khi bà không ký. Bên cạnh đó bà có bản đối chiếu việc nhận tiền của những người ở công ty phù hợp với số tiền thất thoát nhưng khi giải thích thì công ty không chấp nhận.

Đến ngày 16/9/2015 bà đến công ty bàn giao sổ sách về quỹ công ty và quỹ công đoàn. Bà đề nghị công ty trả sổ bảo hiểm xã hội và quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với bà.

Việc công ty yêu cầu bà hoàn số tiền quỹ là 107.595.381 đồng, bà không đồng ý vì việc này là lệch quỹ, khi bà chi tiền đều có xác nhận của những người nhận tiền và kế toán là bà H tuy nhiên khi họp thì công ty không cho bà đối chất với những người này nên việc giải thích không được sáng tỏ.

Về yêu cầu độc lập đối với bà H là nhân viên kế toán phải có trách nhiệm trả lại số tiền là 102.657.500 (*một trăm lẻ hai triệu sáu trăm năm mươi bảy ngàn năm trăm*) đồng bà giữ nguyên yêu cầu này và không có ý kiến bổ sung hay thay đổi gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Thanh H có lời khai như sau:

Bà làm việc tại Công ty B từ năm 2011 vị trí là Kế toán viên. Nhiệm vụ là lên phiếu thu chi hàng ngày, nhập dữ liệu vào phần mềm kế toán và đối chiếu, kiểm tra quỹ tiền mặt thực tế của Công ty. Cuối mỗi tháng phải chốt sổ, kiểm tra tiền mặt thực tế và lấy số liệu trên phần mềm để đối chiếu với sổ quỹ tiền mặt của Công ty do bà Lâm Thanh M là thủ quỹ. Mỗi tháng sổ quỹ tiền mặt của Thủ quỹ đều phải khớp với số liệu trên phần mềm kế toán và tiền mặt thực tế cũng phải có đầy đủ. Việc kiểm tra này còn có kế toán trưởng tham gia giám sát định kỳ mỗi tháng.

Cho đến cuối tháng 7 năm 2015, bà xin nghỉ việc. Trước khi nghỉ, bà được giao nhiệm vụ kiểm tra lại tất cả các quỹ gồm quỹ công ty và quỹ công đoàn cùng với thủ quỹ là bà M. Khi kiểm tra quỹ Công đoàn thì phát hiện: trên sổ Công đoàn còn tiền nhưng tiền mặt thực tế thì không có, bên cạnh khi kiểm tra quỹ công ty cho đến thời điểm kiểm kê cũng không còn. Thủ quỹ là bà M không giải thích cũng như không chứng minh được. Sau đó, bà trình bày sự việc lên Ban Giám đốc công ty. Sau khi công ty tiến hành họp và kiểm kê hai quỹ nêu trên thì số tiền đã thất thoát tiền quỹ công đoàn 89.394.200 đồng, quỹ công ty 18.201.181 đồng, tổng cộng 107.595.381 đồng. Sau đó công ty đối chiếu lại sổ sách xác định bà M làm thất thoát số tiền là 102.657.500 đồng. Bà xác nhận là có ký vào sổ quỹ ghi chép cá nhân mỗi ngày của bà M nhưng sổ ghi chép này không được công ty thừa nhận và không có giá trị.

Đối với yêu cầu độc lập của bà M, bà không đồng ý vì bà M là thủ quỹ của công ty, bà chỉ là người kiểm tra, chốt sổ với bà M còn tiền là do bà M giữ nên bà M buộc bà trả số tiền 102.657.500 đồng là không có cơ sở.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 22/11/2018:

Nguyên đơn công ty B yêu cầu tòa án buộc bà Lâm Thanh M trả số tiền 102.657.500 (*Một trăm lẻ hai triệu sáu trăm năm mươi bảy ngàn năm trăm*) đồng theo biên bản cam kết ngày 18/8/2015 và công khai xin lỗi công ty.

Bị đơn bà Lâm Thanh M không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn và giữ nguyên yêu cầu độc lập đề nghị tòa án buộc bà Phạm Thị Thanh H phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền 102.657.500 (*Một trăm lẻ hai triệu sáu trăm năm mươi bảy ngàn năm trăm*) đồng cho công ty B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Thanh H không đồng ý yêu cầu độc lập của bà M và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 27/11/2018:

Nguyên đơn công ty B rút một phần yêu cầu số tiền quỹ công ty 18.201.181 đồng và giữ nguyên yêu cầu bà My trả số tiền quỹ công đoàn 84.456.319 (*Tám mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi sáu ngàn ba trăm mười chín*) đồng.

Đồng thời nguyên đơn rút yêu cầu bà My xin lỗi công khai.

Bị đơn bà Lâm Thanh My rút một phần yêu cầu số tiền quỹ công ty 18.201.181 đồng đối với bà Thanh Hương.

Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà My, buộc bà Hương phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền 84.456.319 (*Tám mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi sáu ngàn ba trăm mười chín*) đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty B yêu cầu bị đơn bà Lâm Thanh M thanh toán số tiền 102.657.500 (*một trăm lẻ hai triệu sáu trăm năm mươi bảy ngàn năm trăm*) đồng theo bản cam kết ngày 18/8/2015, xác định quan hệ tranh chấp là đòi tài sản. Do bị đơn đang cư ngụ tại quận T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T.

- Thời hạn tố tụng: Thẩm phán vi phạm thời gian chuẩn bị xét xử được quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, kiến nghị rút kinh nghiệm.

- Về người tham gia tố tụng: Xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

- Về thu thập chứng cứ: Thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền mà bị đơn làm thất thoát. Thanh toán trong thời hạn 05 tháng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, căn cứ Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Nguyên đơn rút một phần yêu cầu số tiền quỹ công ty 18.201.181 đồng và giữ nguyên yêu cầu bà M trả số tiền quỹ công đoàn 84.456.319 (*Tám mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi sáu ngàn ba trăm mười chín*) đồng, rút yêu cầu buộc bà M xin lỗi công khai. Bị đơn rút một phần yêu cầu độc lập đối với bà Hương về việc yêu cầu bà H trả số tiền quỹ công ty. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu đối với số tiền 18.201.181 đồng. Đình chỉ yêu cầu bà M xin lỗi công

khai. Đình chỉ một phần yêu cầu độc lập của bà M về việc yêu cầu bà H phải trả số tiền 18.201.181 đồng.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét, Đơn khởi kiện đề ngày 07/01/2016 của nguyên đơn công ty B khởi kiện bị đơn bà Lâm Thanh M đang cư trú tại quận T, Thành phố H hoàn trả số tiền 102.657.500 đồng và Đơn yêu cầu độc lập ngày 03/10/2016 của bị đơn bà Lâm Thanh M yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Thanh H phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền 102.657.500 đồng cho công ty B. Căn cứ quy định tại Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án được xác định là “Tranh chấp đòi tài sản” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng:

2.1. Về tư cách những người tham gia tố tụng:

Căn cứ Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự quy định quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về đương sự trong vụ việc dân sự xác định bà Lâm Thanh M tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn.

Căn cứ đơn yêu cầu độc lập của bà Lâm Thanh M đối với bà Phạm Thị Thanh H xác định bà H tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

2.2. Tại phiên tòa sơ thẩm, công ty B rút một phần yêu cầu số tiền quỹ công ty 18.201.181 đồng và giữ nguyên yêu cầu bà M trả số tiền quỹ công đoàn 84.456.319 (*Tám mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi sáu ngàn ba trăm mười chín*) đồng và rút yêu cầu bà M xin lỗi công khai công ty; Bị đơn rút một phần yêu cầu độc lập đối với bà H về việc yêu cầu bà H trả số tiền quỹ công ty. Việc rút một phần yêu cầu nêu trên là hoàn toàn tự nguyện và có lợi cho đương sự nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Theo sự thừa nhận của các bên thì công ty B và bà Lâm Thanh M có thỏa thuận ký hợp đồng lao động 01 năm với công việc là kế toán kiêm thủ quỹ công ty và thủ quỹ công đoàn, đến ngày 01/7/2013 công ty tiếp tục ký hợp đồng không xác định thời hạn. Ngày 18/8/2015 công ty kiểm tra quỹ thì phát hiện cả hai quỹ công đoàn và công ty không còn đủ số tiền như đối chiếu sổ sách. Tại Bản tường trình ngày 18/8/2015, công ty và bà M xác nhận số tiền thất thoát là 107.595.381 đồng. Theo Biên bản kiểm quỹ công ty và công đoàn ngày 14/9/2015, xác định bà M làm thất thoát số tiền 102.657.500 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, tại Bản

tường trình ngày 18/8/2015 của bà M có nội dung thừa nhận số tiền thiếu là 107.595.381 đồng và cam kết trả số tiền nêu trên có sở xác định việc bà M làm thất thoát số tiền 102.657.500 đồng là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ bản cam kết trả nợ ngày 18/8/2015, đến nay bà M vẫn chưa trả số tiền trên cho công ty nên công ty khởi kiện yêu cầu bà M trả lại số tiền 102.657.500 đồng là có căn cứ chấp nhận được quy định tại Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005. Tuy nhiên tại phiên tòa, phía nguyên đơn rút một phần yêu cầu số tiền quỹ công ty 18.201.181 đồng và giữ nguyên yêu cầu bà M trả số tiền quỹ công đoàn 84.456.319 (*Tám mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi sáu ngàn ba trăm mười chín*) đồng. Xét, việc rút một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn là hoàn toàn tự nguyện và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này của công ty B.

Đối với ý kiến của bà M cũng như Luật sư của bà M cho rằng bản tường trình ngày 18/8/2015 bà M ký là do sức ép của công ty và không thừa nhận việc bà M làm thất thoát tiền của công ty; Hội đồng xét xử nhận thấy, Bản tường trình nêu trên do tay bà M viết và ký trong đó nêu rõ các khoản tiền mặt còn thiếu và cam kết thời hạn, phương thức trả; Bà M cho rằng mình bị ép buộc để ký nợ số tiền nêu trên nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh được có sổ sách thu chi hợp pháp có xác nhận của công ty. Mặt khác công ty B cũng không thừa nhận những sổ sách cá nhân của bà M đưa ra chứng minh cho việc đã chi số tiền nêu trên do đó không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về yêu cầu độc lập của bị đơn:

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 03/10/2016, bị đơn bà Lâm Thanh M yêu cầu Tòa án tuyên buộc bà Phạm Thị Thanh H phải có trách nhiệm hoàn trả 102.657.500 đồng cho công ty. Tuy nhiên tại phiên tòa, phía bị đơn rút một phần yêu cầu số tiền quỹ công ty 18.201.181 đồng và giữ nguyên yêu cầu bà H trả số tiền quỹ công đoàn 84.456.319 (*Tám mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi sáu ngàn ba trăm mười chín*) đồng. Xét, việc rút một phần yêu cầu của bị đơn đối với bà H là hoàn toàn tự nguyện và có lợi cho đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này của bà M.

Xét, Hợp đồng lao động của bà H, bản tường trình ngày 18/8/2015, bản cam kết trả nợ ngày 18/8/2015, Biên bản kiểm quỹ công ty và công đoàn ngày 14/9/2015, Biên bản họp công đoàn ngày 04/9/2015..., bà Thanh H được công ty tuyển dụng vào vị trí là kế toán tổng hợp nhiệm vụ là lên phiếu thu chi hàng ngày, nhập dữ liệu vào phần mềm kế toán và đối chiếu, kiểm tra quỹ tiền mặt thực tế của công ty; Cuối mỗi tháng phải chốt sổ, kiểm tra tiền mặt thực tế và lấy số liệu trên phần mềm để đối chiếu số quỹ tiền mặt với bà M, bà M là thủ quỹ không phải bà Thanh H. Bà M cho rằng bà Thanh H nhận bàn giao với bà có ký chốt số tiền vào sổ ghi chép cá nhân của bà mỗi ngày nhưng sổ ghi chép cá nhân này không được công ty thừa nhận; bà M cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh được có sổ sách thu chi hợp pháp có xác nhận của công ty và điều này cũng không được bà Thanh H thừa nhận do bà Thanh H là kế toán thu chi, chỉ kiểm tra đối chiếu số tiền thu và

chi trên sổ kế toán của công ty không trực tiếp nhận và ký tiền từ bà M nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về thời hạn thanh toán: Nguyên đơn công ty yêu cầu bị đơn bà Lâm Thanh M thanh toán trong thời hạn 05 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật là không trái quy định pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Lâm Thanh M phải chịu án phí trên số tiền phải trả là: $5\% \times 84.456.319 \text{ đồng} = 4.222.816 \text{ đồng}$.

Bị đơn bà Lâm Thanh M phải chịu án phí đối với yêu cầu độc lập không được chấp nhận trên số tiền là: $5\% \times 84.456.319 \text{ đồng} = 4.222.816 \text{ đồng}$.

Hoàn lại số tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn công ty B.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 217; khoản 2 Điều 244; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 256 Bộ luật dân sự 2005;

- Pháp lệnh lệ phí và án phí tòa án 2009.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại B:

1.1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại B đối với bà Lâm Thanh M về việc trả lại số tiền quỹ công ty là 18.201.181 đồng.

1.2. Đình chỉ yêu cầu bà Lâm Thanh M xin lỗi công khai đối với Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại B.

1.3. Đình chỉ một phần yêu cầu độc lập của bà Lâm Thanh M về việc yêu cầu bà Phạm Thị Thanh H phải trả số tiền quỹ công ty là 18.201.181 đồng.

1.4. Buộc bà Lâm Thanh M phải có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại B số tiền 84.456.319 (*Tám mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi sáu ngàn ba trăm mười chín*) đồng trong thời hạn 05 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lâm Thanh M chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Thời hạn thanh toán: Thanh toán trong thời hạn 05 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Bà Lâm Thanh M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 4.222.816 đồng (*Bốn triệu hai trăm hai mươi hai ngàn tám trăm mười sáu*) đồng do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Bà M còn phải chịu án phí số tiền 4.222.816 đồng (*Bốn triệu hai trăm hai mươi hai ngàn tám trăm mười sáu*) đồng đối với yêu cầu độc lập không được chấp nhận.

Tổng cộng bà Lâm Thanh M phải nộp 8.445.632 (*Tám triệu bốn trăm bốn mươi lăm ngàn sáu trăm ba mươi hai*) đồng.

3.2. Hoàn trả cho Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại B số tiền tạm ứng án phí 2.689.884 (*Hai triệu sáu trăm tám mươi chín ngàn tám trăm tám mươi bốn*) đồng theo biên lai thu số 0002054 ngày 19/01/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại B, bị đơn bà Lâm Thanh M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Thanh H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho bị đơn hoặc được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Hòa